

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2022/DS-ST

Ngày: 31-5-2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Xuân Minh

Ông Duyên Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tuyết Ngân. Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Trần Hồng Cẩm – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05 và 31 tháng 5 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 286/2021/TLST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2022/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị M, sinh năm: 1958. Địa chỉ: Ấp P, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bị đơn: Bà Phạm Thị N, sinh năm: 1958. Địa chỉ: Ấp P, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lý Hùng T, sinh năm 1958. Địa chỉ: Ấp P, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (Xin vắng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 6 năm 2021, cũng như lời trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 25/01/2019 âm lịch, bà N có vay của bà M 06 chỉ vàng 24kara, lãi suất 5.000.000 đồng/06 tháng/06 chỉ vàng 24kara. Thời hạn vay là 02 năm. Khi vay có biên nhận. Trong quá trình vay, bà N đã trả được số tiền lãi là 15.000.000 đồng, chưa trả vàng gốc. Nay yêu cầu bà N trả số vàng gốc đã vay là 06 chỉ vàng 24kara.

Bị đơn là bà Phạm Thị N trình bày:

Bà N xác định những lời trình bày của bà M về giao dịch vay vàng như bà M trình bày là đúng. Trong thời gian vay bà N đã trả được số tiền lãi là 15.000.000 đồng. Hiện bà còn nợ lại số vàng đã vay là 06 chỉ vàng 24kara. Số tiền 15.000.000 đồng do bà N có vay vàng của bà M nên bà thống nhất trả số tiền lãi này, bà không có yêu cầu gì.

Vào năm 1995, bà M có vay của bà 25 chỉ vàng 24kara, không làm biên nhận. Khi vay thỏa thuận khi nào bà N cất nhà thì bà M trả lại vàng. Đến năm 1996 khi bà N yêu cầu bà M trả lại vàng thì bà M nói số vàng này bà hỏi vay cho em bà M là bà Yến. Khi đó chồng bà là ông Lý Hùng T có thỏa thuận với bà M và bà Yến là chuyển giao nghĩa vụ trả 05 chỉ vàng này lại cho bà Yến. Tuy nhiên bà không đồng ý việc này. Còn lại 20 chỉ vàng 24kara phần của bà M, do không có khả năng đóng lãi nên bà M cố cho bà 03 công đất để bà canh tác sau đó bà M đã trả 20 chỉ vàng 24kara và chuộc lại đất xong.

Đến năm 2019, khi bà gặp bà Yến thì bà có yêu cầu bà Yến trả 05 chỉ vàng 24kara đã thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ giữa ông T, bà M và bà Yến. Tuy nhiên bà Yến không đồng ý trả mà nói ông T đã cho bà khoản nợ này.

Nay bà xác định bà M còn nợ lại bà 05 chỉ vàng 24kara. Bà yêu cầu đối trừ với số vàng bà nợ bà M. Nay bà đồng ý trả cho bà M 01 chỉ vàng 24kara.

Đối với yêu cầu phản tố của bà Phạm Thị N, bà M trình bày: Cách nay khoảng 20 năm bà có vay của bà N số vàng là 1.2 cây vàng 24kara, lãi suất 05 chỉ/10 chỉ vàng 24kara/10 tháng. Sau đó chốt nợ bà M còn nợ bà N số vàng gốc và lãi là 2.5 cây vàng 24kara. Sau đó do bà N thấy hoàn cảnh bà quá khó khăn, sợ không đủ khả năng thanh toán nợ cho bà N. Trong khi đó bà Trần Thị Yến (là em ruột bà M) có nợ bà M 05 chỉ vàng 24kara. Do đó, bà N yêu cầu bà M, bà Yến thỏa thuận bà Yến trả cho bà N 05 chỉ vàng 24kara, bà M trả cho bà N 20 chỉ vàng 24kara. Sau đó bà N yêu cầu ở xã Khánh Bình giải quyết việc bà M nợ bà N 20 chỉ vàng 24kara. Sau đó bà M giao cho bà N 03 công đất để canh tác. Thỏa thuận khi nào bà có đủ 20 chỉ vàng trả cho bà N thì bà N giao đất lại cho bà. Bà N canh tác đất được khoảng 04-05 năm thì bà M trả đủ cho bà N 20 chỉ vàng 24kara và lấy lại đất. Đối với phần 05 chỉ vàng chuyển giao lại cho bà Yến theo bà biết thì bà Yến đã trả xong.

Bà xác định không còn nợ vàng của bà N như bà N trình bày, không đồng ý đối với yêu cầu phản tố của bà N.

Tại biên bản ghi nhận ý kiến của đương sự ngày 23 tháng 02 năm 2022 ông Lý Hùng T trình bày: Ông là chồng của bà Phạm Thị N. Vào khoảng năm 1995, ông biết bà M có vay vàng của bà N, cụ thể việc vay vàng ông không biết, nhưng bà N có nhờ ông đến gặp bà M để đòi vàng và nói cho ông biết bà M nợ bà N 25 chỉ vàng 24kara. Khi đến gặp bà M thì bà M nói với ông T là có hỏi giùm bà Yến 05 chỉ vàng 24kara nên nhờ ông T đến gặp bà Yến để yêu cầu trả 05 chỉ vàng 24kara nhưng bà Yến nói để bà Yến tính lại bà M chứ không có trả vàng cho ông. Sau đó, bà M cố cho vợ chồng ông 03 công đất, với giá 20 chỉ vàng 24kara (là phần vàng vay) và đã chuộc đất xong. Còn 05 chỉ vàng 24kara vợ chồng ông cho nợ lại là do bà M sau khi

vay về chia lại cho bà Yến, bà Yến chưa trả cho bà M nên vợ chồng ông cho nợ lại. Việc cho vay và thỏa thuận như thế nào là do bà N quản lý ông không nắm rõ, ông giao toàn quyền quyết định liên quan đến vụ kiện cho bà N.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng, các đương sự đã thực đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Phạm Thị N phải trả cho bà Trần Thị M 06 chỉ vàng 24kara. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Phạm Thị N về việc yêu cầu bà Trần Thị M đổi trừ 05 chỉ vàng 24kara. Về án phí các bên phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa bà Trần Thị M và bà Phạm Thị N là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Nơi cư trú của bị đơn và nơi thực hiện hợp đồng đều tại huyện Trần Văn Thời nên bà Trần Thị M khởi kiện yêu cầu giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với việc đề nghị vắng mặt của ông Lý Hùng T, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Lý Hùng T theo quy định.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị M: Bà M và bà N thống nhất nội dung giao dịch, vào ngày 25/01/2019 âm lịch, bà N có vay của bà M 06 chỉ vàng 24kara, lãi suất 5.000.000 đồng/06 tháng/06 chỉ vàng 24kara. Trong quá trình vay, bà N đã trả được số tiền lãi là 15.000.000 đồng, chưa trả vàng gốc. Do bà N thừa nhận giao dịch giữa các bên là có thật. Nay yêu cầu bà N trả số vàng gốc đã vay là 06 chỉ vàng 24kara, bà N thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà M là tình tiết sự kiện không phải chứng minh nên buộc bà N trả cho bà M 06 chỉ vàng 24kara là phù hợp.

[2.2] Đối với yêu cầu phản tố của bà Phạm Thị N: Bà Phạm Thị N cho rằng vào năm 1995, bà M có vay của bà 25 chỉ vàng 24kara, chồng bà là ông Lý Hùng T có thỏa thuận với bà M và bà Yến là chuyển giao nghĩa vụ trả 05 chỉ vàng này lại cho bà Yến. Tuy nhiên bà không đồng ý việc này. Còn lại 20 chỉ vàng 24kara phần của bà M, do không có khả năng đóng lãi nên bà M cố cho bà 03 công đất để bà canh tác sau đó bà M đã trả 20 chỉ vàng 24kara và chuộc lại đất xong. Nay bà xác định bà M còn nợ lại bà 05 chỉ vàng 24kara. Bà yêu cầu bà M trả cho bà 05 chỉ vàng 24kara và cầu đổi trừ với số vàng bà nợ bà M. Về phía bà Trần Thị M cho rằng, vào

khoảng năm 1993 bà có nợ bà N 2.5 chỉ vàng 24kara. Sau đó ông T, bà N, bà Yến thỏa thuận bà Yến trả cho bà N 05 chỉ vàng 24kara (do bà Yến có nợ bà M 05 chỉ vàng 24kara), bà M trả cho bà N 20 chỉ vàng 24kara. Sau đó bà M giao cho bà N 03 công đất để canh tác. Thỏa thuận khi nào bà có đủ 20 chỉ vàng trả cho bà N thì bà N giao đất lại cho bà. Bà N canh tác đất được khoảng 04-05 năm thì bà M trả đủ cho bà N 20 chỉ vàng 24kara và lấy lại đất. Đối với phần 05 chỉ vàng chuyển giao lại cho bà Yến theo bà biết thì bà Yến đã trả xong. Bà xác định không còn nợ vàng của bà N như bà N trình bày, không đồng ý đối với yêu cầu phản tố của bà N.

Đối với trình bày của các đương sự Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại biên bản ghi lời khai ngày 30/5/2022, bà Trần Thị Yến xác định: Vào năm 1993 bà có vay của bà M 05 chỉ vàng 24kara. Ông T và bà N sợ bà M nợ nhiều không có khả năng thanh toán. Do đó, ông T, bà N thỏa thuận với bà M chuyển giao nghĩa vụ trả nợ của bà đối với bà M để trả cho ông T, bà N. Sau đó, bà Yến đã thanh toán xong cho bà N, ông T. Về phía bà N xác định. Ông Lý Hùng T có thỏa thuận với bà M và bà Yến là chuyển giao nghĩa vụ trả 05 chỉ vàng này lại cho bà Yến. Tuy nhiên bà không đồng ý việc này. Nhưng sau đó, bà và ông T thống nhất thỏa thuận việc cõ đất, bà M cõ cho bà 03 công đất để bà canh tác sau đó bà M đã trả 20 chỉ vàng 24kara, như vậy có cơ sở để cho rằng ông T và bà N thống nhất việc chuyển giao nghĩa vụ thanh toán 05 chỉ vàng 24kara sang cho bà Yến. Mặc khác, vào năm 2019, bà N có vay vàng của bà M như ở mục [2.1]. Như vậy có cơ sở xác định tính đến thời điểm năm 2019 bà M không còn nợ bà N. Từ đó cho thấy yêu cầu phản tố của bà N đặt ra là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí: Bà Trần Thị M không phải chịu án phí, bà Phạm Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ thực hiện việc thanh toán nợ cho bà Trần Thị M và yêu cầu phản tố không được chấp nhận. Tuy nhiên, bà N là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự;
 - Căn cứ khoản 2 Điều 92; Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
 - Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị M. Buộc bà Phạm Thị N có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Thị M 06 chỉ vàng 24kara (Sáu chỉ vàng hai mươi bốn kara).
 2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Phạm Thị N về việc yêu cầu bà Trần Thị M trả cho bà N 05 chỉ vàng 24kara (Năm chỉ vàng hai mươi bốn kara).

3. Về án phí: Bà Trần Thị M không phải chịu án phí. Bà Phạm Thị N được miễn án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- CC.THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHAN - CHỦ TỌA PHIÊN TOA**

(Đã ký)

Bùi Thị Huệ